

Số : 03 /2018/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 21 tháng 6 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV – KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh

Lào Cai giai đoạn 2017-2020 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

1. Bổ sung, sửa đổi Điều 1 Chương I.

“Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ

1. Các tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân trong nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (gọi chung là người sản xuất) có các dự án hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp; các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản thuộc đề án “Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp giai đoạn 2016 - 2020”.

2. Đối với dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai: Đối tượng tham gia thực hiện theo Điều 6, Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020”.

2. Bổ sung Điều 7a vào Chương I.

“Điều 7a. Quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

a) Định mức hỗ trợ cho một dự án:

Đối với dự án do Sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện: Hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án/năm, thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa là 3 năm.

Đối với dự án do UBND xã thực hiện: Tối đa không quá tổng mức phân bổ vốn cho xã/năm theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

b) Định mức hỗ trợ cho 01 hộ/năm:

Hộ nghèo tối đa không quá 15 (mười lăm) triệu đồng/hộ/năm;

Hộ cận nghèo không quá 12 (mười hai) triệu đồng/hộ/năm;

Hộ mới thoát nghèo không quá 10 (mười) triệu đồng/hộ/năm.

2. Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản

xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, hỗ trợ không quá 30% tổng kinh phí đầu tư dự án nhưng tối đa không quá 400 (bốn trăm) triệu đồng/dự án.

c) Trong cùng một thời gian nếu dự án do doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện có các chính sách hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp, hợp tác xã được lựa chọn áp dụng một chính sách có mức hỗ trợ hợp lý.

3. Chi xây dựng và quản lý dự án: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án”.

3. Bổ sung Điểm c, Khoản 1, Điều 13 Chương III.

“c) Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều 7a của quy định này thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.”

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2018./*thao*

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Lào Cai; Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *thao*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

